TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 6 - 2023
"V/v tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Võ Thị Minh Phương.
Bà Ngô Thị Nguyệt.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Minh T, sinh năm 1998; Địa chỉ: Nhà số B, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khu phố C, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Minh T và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh T2 trình bày: Vào năm 2018 bà với ông T1 kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi vã không tìm được tiếng nói chung, phải chịu đựng lẫn nhau để vun đắp hạnh phúc nhưng không kết quả. Hiện tại hai người đã sống ly thân nên không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1 trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng bà T, ông T1 chung sống có người con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2016, giới tính nữ. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục bà không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Minh T Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 82/TB-TLVA ngày 19/12/2022; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 56/TB-TA ngày 19/12/2022 đã tống đạt hợp lệ cho ông T1 theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông T1 không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời bà Huỳnh Thị Minh T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Huỳnh Thị Minh T, sinh năm 1998; Địa chỉ: Nhà số B, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Long An khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khu phố C, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông T1 theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông T1 không có mặt và bà Huỳnh Thị Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vắng mặt bà T và ông T1 là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Huỳnh Thị Minh T với ông Nguyễn Thành T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An. Đây là hôn nhân hợp pháp nên Tòa án thụ ký giải quyết là phù hợp với với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Minh T xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với ông Nguyễn Thành T1, không còn điều kiện, khả năng hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình để nuôi dạy con chung nên yêu cầu được ly hôn với ông T1. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà T với ông T1 đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thương yêu, quí trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện tại hai người đã sống ly thân. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Minh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian vợ chồng bà T, ông T1 chung sống có người con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2016, giới tính nữ. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện, mặt khác để ổn định tâm lý và sự phát triển bình thường của cháu Nguyễn Huỳnh Bảo N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T

tiếp tục giao người con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2016 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T cam kết không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T1 từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử không có văn bản ghi ý kiến của mình, không đến tham gia phiên hòa giải và phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Minh T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà Huỳnh Thị Minh T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 và từ Điều 84 đến Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình; Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Minh T đối với ông Nguyễn Thành T1.

Về hôn nhân: Xử cho bà Huỳnh Thị Minh T ly hôn với ông Nguyễn Thành T1.

Về con chung: Tiếp tục giao người con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo N, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2016, giới tính nữ cho bà Huỳnh Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Thành T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Minh T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ

vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000838 ngày 13/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Bà Huỳnh Thị Minh T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bà Huỳnh Thị Minh T và ông Nguyễn Thành T1 biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã Bắc Hòa, huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trình Văn Út